

# MỸ LATINH TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ TOÀN CẦU

Nguyễn Tuấn Minh  
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

## 1. Mỹ Latinh trong quá trình hội nhập

Theo Ủy ban Kinh tế Mỹ Latinh (CEPAL), đặc điểm nổi trội của khu vực Mỹ Latinh (MLT) ở những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI là: các nền kinh tế khu vực này ngày càng hội nhập sâu vào các nền kinh tế thế giới, thể hiện ở chỗ các nước khu vực MLT chẳng những ngày càng tiếp nhận nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), mà cũng xuất khẩu ngày càng nhiều vốn đầu tư ra nước ngoài. Tiêu biểu cho các nước này là Brazil, Mexico và Chile.

Do vậy, các chuyên gia kinh tế cho rằng, bản chất của toàn cầu hoá giờ đây đã có nhiều đổi mới về chất, đó là điều kiện thuận lợi để các nước MLT nâng được vị thế của mình trong hội nhập kinh tế toàn cầu. Mới về chất được thể hiện ở chỗ:

- Nếu trước đây khu vực MLT chỉ quen tiếp nhận FDI trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu, thì giờ đây khu vực này đã xuất khẩu vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

- Nếu trước 1995 các nước MLT bị coi là sân sau của Mỹ, xa lạ với nền kinh tế thế giới, thì giờ đây, theo đà hội nhập kinh tế toàn cầu thông qua các công ty xuyên quốc gia của mình, khu vực MLT ngày càng tham gia tích cực vào quá trình phân công lại lao động xã hội trên quy mô toàn thế giới, không còn bị coi

là khu vực ngoại vi, xa lạ với các nền kinh tế châu Âu và châu Á.

Giờ đây, không chỉ những công ty lớn, mà cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa của MLT cũng ngày càng tham gia tích cực vào thị trường hàng tiêu dùng, hàng công nghệ kỹ thuật cao và thị trường vốn trên quy mô toàn cầu. Đạt được như vậy chủ yếu là do các công ty, doanh nghiệp này giờ đây đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của các nền kinh tế phát triển và đang phát triển của thế giới, đã gom góp được số vốn lớn, đủ mạnh để phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ở trong nước và ở nước ngoài. Do đó, đa số các nước trong khu vực làm ra các mặt hàng kiểu dáng, mẫu mã đẹp, giá cả rẻ hơn các mặt hàng cùng loại của các nước khác trên thị trường quốc tế, trong bối cảnh môi trường cạnh tranh giữa các nền kinh tế ngày càng gay gắt để cùng tồn tại và phát triển.

Hoạt động xuyên quốc gia của công ty Cemex (Mexico), của tập đoàn Grupotechint (Argentina) và một số công ty khác của MLT được mở rộng nhằm đối trọng lại sự hiện diện của các công ty nước ngoài trên thị trường MLT. Hơn nữa, đối với các công ty MLT, chiến lược toàn cầu hoá là một trong những điều kiện cần thiết để tạo cho mình cơ hội và khả năng cạnh tranh tốt trên các thương trường thế

giới. Theo đà mở cửa cho cạnh tranh quốc tế, các công ty khu vực MLT cũng phải cạnh tranh với các công ty xuyên quốc gia của các nước khác chẳng những ở ngay thị trường nước mình, mà còn trên các thị trường nước ngoài. Về phần mình, cuộc cạnh tranh này buộc các công ty khu vực MLT phải nâng cao chất lượng sản phẩm để giành lấy các ưu thế cạnh tranh so với các sản phẩm cùng loại của các nước khác trên thị trường thế giới.

Khả năng cạnh tranh gia tăng của các nền kinh tế MLT góp phần làm tăng vai trò của khu vực này trong việc cung cấp FDI cho thị trường vốn thế giới, vì rằng nếu trước đây khu vực MLT bị coi là hậu phương, là sân sau cất giữ, tiêu dùng hàng hoá thừa ế và tiếp nhận vốn đầu tư của Mỹ, thì giờ đây trở thành người tham gia tích cực vào quá trình khu vực hoá, toàn cầu hoá các nền kinh tế thông qua hoạt động đầu tư trực tiếp vốn ra nước ngoài của các tập đoàn xuyên quốc gia ở khu vực, như tập đoàn Goldman Sachs, ICA, Cemex của Mexico và Petrobras, Vale do Rio Doce, Embraer của Brazil.

Ở hai nước này hiện có hai tập đoàn kinh tế lớn hàng thứ ba thế giới. Đó là tập đoàn chế tạo máy bay phần lực dân dụng Embraer của Brazil - lớn thứ ba thế giới, sau tập đoàn "Airbus" của EU và tập đoàn "Boeing" của Mỹ, và tập đoàn sản xuất xi măng Cemex của Mexico, cũng lớn thứ ba thế giới với sản lượng xi măng cho ra lò hàng năm là trên 73 triệu tấn/năm (so với dưới 60 triệu tấn/năm của Nga). Doanh thu năm 2006 của tập đoàn này là trên 20 tỷ USD, hiện có các lò sản xuất xi măng ở nhiều nước trên thế giới, tạo công ăn việc làm cho trên 50 ngàn người. Trong số 50 công ty

xuyên quốc gia hàng đầu thế giới về tích sản ở nước ngoài năm 1999, thì khu vực MLT chiếm 11 công ty (trong đó, Venezuela và Argentina - mỗi nước có 1; Chile - 2; Mexico - 3; Brazil - 4), chiếm khoảng 30% tổng tích sản của các công ty xuyên quốc gia ở nước ngoài, góp phần mang ngày càng nhiều ngoại tệ về cho đất nước, để phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo của khu vực MLT.

## **2. Kinh tế Mỹ Latinh trong nền kinh tế thế giới**

Các nhà quan sát và bình luận kinh tế thế giới cho rằng, những cuộc cải cách kinh tế mang màu sắc tự do mới của khu vực MLT ở cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI đã đem lại cho khu vực này cả các mặt tiêu cực, lẫn tích cực.

Tiêu cực ở chỗ những cuộc cải cách này làm cho chênh lệch thu nhập giàu nghèo ngày càng rộng ra, trong 24 năm qua (1980-2004), số người nghèo của MLT từ 197,2 triệu tăng lên 224 triệu người. Trong 35 năm qua - tăng thêm 100 triệu người nghèo và thêm 20 triệu người sống dưới mức nghèo đói. Trong tổng số dân Mỹ Latinh và vùng Caribbean năm 2006 là 551 triệu người, thì số người nghèo chiếm 38,5%; dưới mức đói nghèo chiếm 147% (Xem thống kê hàng năm của MLT Caribbean - Santiago de Chile - 2004, trang 8)

Mặt tích cực thể hiện ở chỗ từ giữa thập niên 90 tới năm 2006 GDP và GDP/người bình quân của khu vực MLT đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Còn lạm phát, thất nghiệp và nợ nước ngoài của khu vực MLT đều giảm. Sau đây là những chỉ tiêu nói trên của khu vực này trong thời gian 1980-2006 (%).

Chỉ tiêu \ Năm	Thập niên 80	Thập niên 90	2000	2005	2006
Mức tăng GDP bình quân năm	1,0	3,0	3,9	4,3	5,3
Mức tăng GDP/người	-0,8	1,5	2,3	2,8	3,8
Lạm phát bình quân năm	274,1 (1985)	1.186,3 (1990)	9,0	6,1	4,8
Thất nghiệp bình quân năm ở các thành phố lớn	5,8	7,5	10,0	9,1	8,7

Còn sau đây là nợ nước ngoài của MLT và Caribbean từ năm 1970-2006:

Chỉ tiêu \ Năm	1970	1980	1985	1990	1995	1999	2000	2005	2006
Nợ/GDP (%)	17,2	34,1	58,8	34,6	36,8	42,2	38,9	27,1	24,0
Nợ/xuất khẩu (%)	120,7	202,3	365	292	225	211	172	101	83
Lãi/xuất khẩu (%)	4,1	19,9	18,4	9,4	17,5	16,4	14,2	9,8	-

Nguồn: CEPAL, "Báo cáo sơ bộ về tình hình kinh tế MLT và Caribbean" - Santiago de Chile, 2006.

Các số liệu nói trên cho thấy rằng, bước vào thập niên 90 kinh tế khu vực MLT đã thoát khỏi trì trệ, bắt đầu phục hưng dần dần, góp phần ổn định tình hình tài chính, lành mạnh hoá ngân sách, giảm lạm phát, tăng thu ngoại thương ở những năm sau.

Sau đây là phần GDP tăng bình quân năm 1995 và 2005 của khu vực MLT của các nhóm nước MLT trong GDP của thế giới và của các nước đang phát triển (kể cả MLT).

Các khu vực	GDP năm 1995 (triệu USD)	Phần trong GDP của thế giới (%)	Phần trong GDP của các nước đang phát triển (%)	Tổng bình quân GDP (%)	GDP 2005 (triệu USD)	Phần trong GDP của thế giới (%)	Phần trong GDP của các nước đang phát triển (%)	Tổng bình quân GDP (%)
Thế giới	29.556.582	100	-	2,9	44.475.204	100	-	50,5
Các nước đang phát triển	5.653.973	19,1	100,0	4,5	9.962.981	22,4	100,0	76,2
Mỹ Latinh	1.720.950	5,8	30,5	2,3	2.486.992	5,6	25,0	44,5
Trung Mỹ	338.845	1,1	6,0	3,4	866.788	1,9	8,7	155,8
Nam Mỹ	1.310.943	4,4	23,2	1,8	1.949.475	3,4	15,0	14,0

Nguồn - UNCTAD - Hand book of statistics - 2006, P. 128.

Các số liệu bảng trên cho thấy rằng, trong vòng 10 năm (1995-2005) GDP của thế giới tăng 2,8%, của các nước đang phát triển (gồm cả MLT) tăng 4,5%; của khu vực MLT - tăng 2,3%. Nếu năm 1995 phần GDP MLT chiếm trong GDP của thế giới là 5,8%;

của các nước đang phát triển là 30,4%, thì năm 2005 phần GDP MLT trong GDP của thế giới và của các nước đang phát triển đều bị giảm - còn tương ứng là 5,6% và 25%. Nếu tổng GDP trong 10 năm này của thế giới tăng 50,5%, của các nước đang

phát triển tăng 73,2%, thì của khu vực MLT tăng 44,5%, thấp hơn gần 1,5 lần so với GDP của các nước đang phát triển, trong đó, GDP tăng cao nhất của khu vực này (MLT) là ở vùng Trung Mỹ - tăng 155,8%, rồi đến vùng Caribbean - tăng 76,7%, thấp nhất là ở vùng Nam Mỹ - tăng 14%. Nam Mỹ lại là vùng tập trung các nền kinh tế lớn của MLT - như Argentina, Brazil, Chile và Venezuela. Để đuổi vượt các nước đang phát triển khác của thế giới, khu vực MLT cần áp dụng các biện pháp khẩn cấp, thu hút vốn FDI của nước ngoài nhằm góp phần khắc phục tình trạng lạc hậu này.

### **3. Mỹ Latinh trên thị trường FDI của thế giới**

“World Investment Report 2006” cho biết, tổng FDI của thế giới năm 2006 là trên 1,2 ngàn tỷ USD so với gần 400 tỷ USD năm 1996, nghĩa là sau 10 năm FDI của thế giới tăng lên 3 lần. Tăng được như vậy trước hết là do kinh tế toàn cầu phát triển, sau nữa là do các điều kiện đầu tư ra nước ngoài và thu hút vốn FDI của nước ngoài đã có nhiều thay đổi có lợi cho hoạt động đầu tư của nền kinh tế.

Theo “World Investment Report 1999” và “Foreign Direct Investment and the Challenge of Development - New York 2000”, trong số 145 lần điều chỉnh luật đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của 60 quốc gia (gồm cả phát triển và đang phát triển) trong năm 1998, thì 94% lần điều chỉnh này là nhằm tạo các điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các công ty xuyên quốc gia; chỉ 6% là áp dụng các biện pháp bổ sung để giám sát hoạt động đầu tư của các công ty này. Qua các lần điều chỉnh này, biên giới các nước ngày càng thông thoáng hơn; vốn FDI xâm nhập vào các thị trường ngày

một tự do, dễ dàng hơn, làm cho thị trường tài chính khu vực MLT và thế giới ngày càng sôi động hơn.

Trong thời gian 1996-2006, tổng FDI của thế giới tăng 210%, trong đó, phần FDI của các nước đang phát triển tăng gần bằng chỉ tiêu này (210%); còn phần FDI của các nước phát triển tăng 180%, nghĩa là trong tổng FDI của thế giới 10 năm qua, phần FDI của các nước phát triển bị giảm - từ 15,6% xuống còn 14,3%.

Năm 2006 tổng FDI của MLT đạt 50 tỷ USD so với 7 tỷ USD năm 1996, cho phép phần FDI của MLT trong FDI của thế giới từ 1,8% tăng lên 4,0%, và trong FDI của các nước đang phát triển (kể cả MLT) từ 11,5% tăng lên 28% trong thời gian 1996-2006 (xem bảng sau).

Có điều đáng nói là, tốc độ tăng vốn đầu tư ra nước ngoài của các nước khu vực MLT không giống nhau. Tăng cao nhất là ở các nước Nam Mỹ, thấp nhất là ở các nước vùng Caribbean. Theo tổng kết về FDI của thế giới, phần của các nước vùng Caribbean trong tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của khu vực MLT bị giảm, do vậy làm cho vai trò của các nước Caribbean trong thị trường vốn thế giới bị giảm. Nếu trước đây các nước vùng Caribbean đóng vai trò trung tâm tài chính ngoại biên (xa các trung tâm tài chính lớn của thế giới), thì giờ đây do pháp lý của các nước khu vực đã thay đổi làm cho chức năng này của khu vực không còn hấp dẫn các nhà đầu tư như xưa. Đó là chưa kể thực chất FDI của khu vực này là tái đầu tư lợi nhuận vào lĩnh vực kinh tế đặc biệt. Ngoài ra, vì luật thuế và tài chính của khu vực này được cải tổ dần theo thông lệ quốc tế, cho nên vai trò trung tâm tài chính ngoại biên vùng Caribbean cũng bị mờ dần.

Năm 1996 tổng vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của ba nước Chile, Argentina và quốc đảo Virgin (thuộc Anh) là trên 1 tỷ USD, chiếm khoảng 0,3-0,4% tổng FDI của thế giới và khoảng 2% FDI của các nước đang phát triển, tới năm 2006 tình hình đã thay đổi về nguyên tắc. Vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Brazil là cao nhất - đạt trên 28 tỷ USD, chiếm khoảng 60% vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của khu vực MLT, đứng thứ 12 thế giới về chỉ tiêu này, vượt Trung Quốc, Nga và Hà Lan, khiến Brazil trở thành lá cờ đầu về vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của khu vực MLT.

Ở khu vực này, bên cạnh Brazil còn có Mexico và Chile cũng đầu tư nhiều ra nước ngoài, nhưng vốn của Mexico đầu tư chủ yếu vào các ngành mang lại lợi nhuận cao như lĩnh vực viễn thông, công nghiệp thực phẩm và sản xuất xi măng, còn vốn của Chile - đầu tư mạnh vào công nghiệp khai mỏ và mạng lưới thương nghiệp.

Nói chung, trong 10 năm qua vốn FDI của khu vực MLT ra nước ngoài, nhiều hơn FDI của nước ngoài vào MLT. Trong 3 năm cuối của thời kỳ này, chênh lệch giữa FDI ra và FDI vào MLT giảm dần. Ví dụ, nếu năm 2004 vốn khu vực MLT đầu tư ra nước ngoài nhiều hơn vốn FDI nước ngoài vào MLT là 66 tỷ USD, thì năm 2006, chênh lệch này là 34 tỷ USD. Giảm mạnh chênh lệch này là ở các nước Nam Mỹ. Tuy nhiên, năm 2006 ba nước đầu tư ra nước ngoài nhiều hơn nước ngoài đầu tư vào nước mình là Peru, Brazil và Venezuela. Trong

thời gian này hai nước có kết quả đầu tư ra vào tương tự là Panama (2004-2005) và Bolivia (2005). Vốn xuất khẩu nhiều hơn vốn nhập khẩu ở đây còn phải nói đến Barbados và quốc đảo Virgin. Nhưng, biến động đầu tư nước ngoài ở các trung tâm tài chính ngoại biên này ít liên quan đến những thay đổi trong nền kinh tế của các nước ở đây.

Nếu vốn đầu tư ra nước ngoài nhiều hơn vốn đầu tư nước ngoài vào Brazil là do vốn đầu tư ra nước ngoài của Brazil tăng đột xuất, thì sự chênh lệch này diễn ra ở Venezuela lại khác về nguyên tắc. Sở dĩ như vậy là do sau khi lên nắm chính quyền, củng cố được vị thế của mình, Tổng thống Hugo Chávez đã quốc hữu hoá một số doanh nghiệp then chốt của nền kinh tế, trong đó có doanh nghiệp mỏ, làm cho vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài rút khỏi Venezuela ngày một nhiều, nhưng tập đoàn dầu mỏ quốc gia Venezuela (PDUSA) vẫn hoạt động mạnh ở nước ngoài, do vậy vốn đầu tư ra nước ngoài vẫn nhiều hơn vốn nước ngoài đầu tư vào Venezuela.

Sau đây là tình hình biến động vốn đầu tư ra nước ngoài (FDI) của thế giới và các khu vực, và phần FDI ra nước ngoài của các khu vực trong FDI của thế giới, cũng như phần FDI của khu vực MLT trong FDI của các nước đang phát triển (kể cả các nước MLT) trong các năm 1996 và 2006 (%).

Các khu vực và thế giới	Vốn FDI ra nước ngoài của thế giới và các khu vực (Triệu USD)		2006 tăng so với 1996 (%)	Phần FDI ra các khu vực trong FDI của thế giới (%)		Phần FDI của MLT trong FDI của các nước đang phát triển (%)	
	Năm			Năm		Năm	
	1996	2006	1996	2006	1996	2006	
Thế giới	391.554	1.215.789	210,5	100,0	100,0		
Các nước phát triển	331.037	1.022.711	208,9	84,54	84,12		
Các nước đang phát triển	61.235	174.389	184,8	15,64	14,34	100,00	100,00
Mỹ Latinh	7.038	49.132	598,1	1,80	4,04	11,49	28,17
Nam Mỹ	3.986	36.720	821,2	1,02	3,02	6,51	21,06
Argentina	1.600	2.008	25,5	0,41	0,17	2,61	1,15
Bolivia	2	3	50,0	0,00	0,00	0,00	0,00
Brazil	520	28.202	5.323,5	0,13	2,32	0,85	16,17
Chile	1.188	2.876	142,1	0,30	0,24	1,94	1,65
Columbia	68	1.098	1.514,7	0,02	0,09	0,11	0,63
Ecuador	1	2	100,0	0,00	0,00	0,00	0,00
Paraguay	5	16	220,0	0,00	0,00	0,01	0,01
Peru	85	428	403,5	0,02	0,04	0,14	0,25
Uruguay	11	-2	-118,2	0,00	0,00	0,02	0,00
Venezuela	507	2089	312,0	0,13	0,17	0,83	1,20
Trung Mỹ	903	6.960	670,8	0,23	0,57	1,47	3,99
Belize	6	1	-83,3	0,00	0,00	0,01	0,00
Costa Rica	6	98	1.533,3	0,00	0,01	0,01	0,06
El Salvador	2	-50	-2.600,0	0,00	0,00	0,00	-0,03
Guatemala	2	13	550,0	0,00	0,00	0,00	0,01
Honduras	-2	22	-1.200,0	0,00	0,00	0,00	0,01
Mexico	38	5.758	15052,6	0,01	0,47	0,06	3,30
Panama	860	1.115	29,7	0,22	0,09	1,40	0,64
Vùng Caribbean	2.149	5.452	153,7	0,55	0,45	3,51	3,13
Antigua & Barbuda	-1		-100,0	0,00	0,00	0,00	0,00
Barbados	4	5	25,0	0,00	0,00	0,01	0,00
Virgin Islands	1.639	2.964	80,8	0,42	0,24	2,68	1,70
Cayman Islands	400	1.950	387,5	0,10	0,16	0,65	1,12
CH. Dominica	14		-100,0	0,00	0,00	0,02	0,00
Trinidad & Tobago	1	370	36900,0	0,00	0,03	0,00	0,21

Nguồn: "World Investment Report 2006" và xuất khẩu tư bản của MLT.  
 Tài liệu tham khảo: Tạp chí Mỹ Latinh số 7/08.